

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 803/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược phát triển Doanh nghiệp 10 năm giai đoạn 2016-2025,

Kế hoạch sản xuất và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020

Ý TNHH MTV THỦY LỢI LIỀN SƠN Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Liền Sơn

CÔNG VĂN ĐỀN

Số: 379.....

24 tháng 3 năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quy định quản lý nhà nước đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 473/TTr-SKHĐT ngày 28/12/2016 và Văn bản số 191/SKHĐT-TTNC ngày 24/01/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển doanh nghiệp 10 năm giai đoạn 2016-2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Liền Sơn với các nội dung như sau:

I. Chiến lược phát triển doanh nghiệp 10 năm giai đoạn 2016-2025

1. Quan điểm phát triển công ty

Chiến lược phát triển của Công ty phải phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển doanh nghiệp của Đảng, Nhà nước; Quản lý khai thác tốt hệ thống công trình thủy lợi, giữ ổn định kinh doanh chính, mở rộng kinh doanh đa ngành để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV.

2. Định hướng mục tiêu phát triển công ty đến năm 2025

Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 5 năm của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở xu thế biến động các diện tích đất đai sản xuất nông nghiệp dự báo diện tích tưới tiêu công ty phục vụ trong giai đoạn 2016-2015;

Căn cứ quy định mới của Chính phủ trong thời gian tới thay đổi phương thức quản lý các sản phẩm dịch vụ công ích. Nhà nước thực hiện đấu thầu, đặt hàng các sản phẩm dịch vụ công ích theo quy định của Luật Đấu thầu và sau khi Chính phủ sửa đổi Nghị định số 130/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc Ban hành Quy định về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Trên sò đó đề xuất các mục tiêu định hướng đến năm 2025 của Công ty cho phù hợp:

2.1. Mục tiêu tổng quát

Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 05 năm của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020 diện tích đất nông nghiệp hàng năm giảm xuống do nhu cầu sử dụng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội là: năm 2016 theo quy hoạch sử dụng đất giảm 309,59ha, kế hoạch hợp đồng đặt hàng năm 2016 là 63.851,77ha (kế hoạch năm 2016 tăng là do khai thác được diện tích vì Nhà nước đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, tăng của các xã Hồng Châu, Yên Lập, vụ Đông làm kế hoạch theo số nghiệm thu 2014, năm này dân trồng nhiều); năm 2017 kế hoạch hợp đồng đặt hàng là 63.670,8 ha, theo quy hoạch giảm 302,96ha, nhưng thực tế giảm 180,97ha; năm 2018 giảm 254,61ha; năm 2019 giảm 155,75ha; năm 2020 giảm 1.048,40ha, trung bình mỗi năm trong giai đoạn 2016-2020 giảm 414,264ha/năm. Trên cơ sở tốc độ giảm đất đai nông nghiệp hàng năm của giai đoạn 2016-2020, ước diện tích đất nông nghiệp giảm của giai đoạn 2021-2025 giảm 2.071ha ha,

Mục tiêu của Tỉnh là xây dựng Vĩnh Phúc trở thành thành phố Vĩnh Phúc vào những năm 20 của thế kỷ 21). Do vậy diện tích tưới tiêu của Công ty sẽ giảm xuống theo xu hướng giảm diện tích đất nông nghiệp. Khi diện tích tưới tiêu giảm thì doanh thu hàng nông sản sẽ giảm theo, Công ty sẽ mở rộng đa ngành nghề để bù đắp cho doanh thu của doanh nghiệp

Trong điều kiện thời tiết diễn biến khắc nghiệt, khó lường cùng tác động của nhiều yếu tố khách quan, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và công tác kinh doanh của Công ty. Giai đoạn 2016-2025 Công ty TNHH một thành viên thủy Liễn Sơn tiếp tục thực hiện phục vụ tưới tiêu cho trên 61nghìn ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp và cấp nước cho nuôi trồng thủy sản của 7 huyện, thành, thị trong tỉnh. Để thực hiện hiệu lực, hiệu quả nhiệm vụ được giao, khắc phục mọi khó khăn thách thức, phát huy kết

quả đạt được trong những năm qua, mở rộng sản xuất kinh doanh đảm bảo việc làm và đời sống ổn định.

Khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi để phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp mà hệ thống liên sơn đang quản lý.

Nâng cao năng lực quản lý, phát huy sức mạnh đoàn kết, phục vụ tưới tiêu ngày càng hiệu quả đáp ứng mọi yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, xây dựng Công ty phát triển bền vững, góp phần vào sự phát triển KT-XH của tỉnh và sự nghiệp CNH-HĐH đất Nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

(1) Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đến năm 2020 và năm 2025:

- Năm 2020:

- + Tổng diện tích tưới, tiêu: 62.212,04 ha
- + Tổng doanh thu: 108.588 triệu đồng
- + Tổng chi phí: 107.988 triệu đồng
- + Lợi nhuận: 600 triệu đồng
- + Nộp ngân sách: 914 triệu đồng
- + Thu nhập bình quân của người lao động: 6 triệu đồng/người/tháng
- + Số lao động: 445 người

- Năm 2025:

- + Tổng diện tích tưới, tiêu: 60.142,04 ha
- + Tổng doanh thu: 108.588 triệu đồng
- + Tổng chi phí: 107.868 triệu đồng
- + Lợi nhuận: 720 triệu đồng
- + Nộp ngân sách: 940 triệu đồng
- + Thu nhập bình quân của người lao động: 6,5 triệu đồng/người/tháng
- + Số lao động: 470 người

Giữ ổn định về doanh thu, thu từ tưới tiêu giảm, tăng thu hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài, mở rộng đa ngành nghề, tìm kiếm nhiều việc làm ngoài; giảm các chi phí đến mức tối thiểu để tăng tiền lương, tiền công mỗi năm tăng một ít; tăng nguồn thu từ khai thác tổng hợp, nộp các khoản cho ngân sách nhà nước; các công trình đầu mối được đầu tư xây dựng nên số lao động tăng theo;

Mặt bằng rà soát diện tích năm 2016: 26.027 ha (lúa+mau: 23.781 ha, thủy sản cả năm 2.246 ha); diện tích phục vụ chưa xác định chính xác được vì vụ đông diện tích bắp bênh nông dân bỏ ruộng nhiều, năm gieo trồng nhiều, năm gieo trồng ít; kế hoạch sử dụng đất của Sở tài nguyên và môi trường về diện tích trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản cắt giảm theo giai đoạn, chưa cụ thể từng năm; các dự án quy hoạch cắt đất đơn vị chưa có số liệu về cắt loại đất nào, nên chưa biết chính xác diện tích cắt là bao nhiêu.

(2) Ngành nghề kinh doanh sẽ tập trung phát triển trong giai đoạn 2016-2025 ngoài ngành nghề kinh doanh chính (phục vụ tưới tiêu):

- Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thuỷ sản, cung cấp nước sạch cho dân sinh và các ngành kinh tế khác;

- Tiêu nước (thải, mưa) cho dân sinh, công nghiệp và các ngành kinh tế khác;

- Xây dựng các công trình: Xây dựng, thuỷ lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thuỷ sản, đường điện hạ thế và nước sạch nông thôn;
- Xây dựng, lắp đặt và sửa chữa các máy móc thiết bị cơ điện, điện dân dụng; Nạo vét bùn;
- Tư vấn, khảo sát thiết kế, lập quy hoạch, lập báo cáo đầu tư, lập dự án, lập dự toán các công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ lợi, nước sạch nông thôn, giao thông, xây dựng;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng các công trình thuộc ngành nông nghiệp & phát triển nông thôn, các công trình giao thông, xây dựng;
- Tư vấn đấu thầu các công trình xây dựng;
- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật tư, đồ điện và máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng;
- Dịch vụ tổng hợp nuôi trồng thuỷ sản, nhà hàng, ăn uống, khách sạn, du lịch, vận tải;

(3) Quản lý, bảo vệ, sửa chữa các công trình thủy lợi:

- Quản lý, bảo vệ các công trình thủy lợi gồm: Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi, ngăn chặn kịp thời hiện tượng vi phạm công trình thủy lợi, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương vận động tuyên truyền người dân thực hiện nghiêm pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Cân đối nguồn vốn để đầu tư sửa chữa công trình, đảm bảo tưới tiêu hiệu quả. Dự kiến nguồn vốn sửa chữa thường xuyên hàng năm của Công ty từ 20-22% tổng doanh thu sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

(Chi tiết có phụ lục số 1 kèm theo)

3. Các nhiệm vụ chủ yếu

3.1. Nhiệm vụ về sản xuất, kinh doanh

- Coi trọng chất lượng, uy tín của sản phẩm và thương hiệu, hình ảnh của doanh nghiệp với mục tiêu xây dựng doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi liền sơn là một doanh nghiệp tiêu biểu trong khối các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác an toàn lao động trong toàn Công ty; vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường tại các trụ sở làm việc và khu đầu mối đảm bảo môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch, đẹp.

- Doanh thu hàng năm ước đạt 100 tỷ đồng trở lên, quản lý thu chi tài chính theo đúng quy định của Nhà nước, quản lý nguồn vốn nhà nước, quản lý nguồn nước, quản lý bảo vệ công trình hiệu quả.

3.2. Nhiệm vụ về phát triển thị trường

- Có chiến lược quảng bá, giới thiệu về năng lực của Công ty hoạt động trong một số lĩnh vực có thế mạnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc tìm kiếm việc làm cho 02 đơn vị sản xuất ngoài, mở rộng khai thác các ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.

- Mở rộng đa ngành nghề.

3.3. Nhiệm vụ nâng cao năng lực quản lý, quản trị hoạt động của doanh nghiệp; bố trí, sử dụng lao động

Nâng cao trình độ, tay nghề, tính chuyên nghiệp của đội ngũ viên chức quản lý và người lao động. Có hình thức tổ chức hợp lý, xây dựng mô hình quản lý phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Củng cố các phòng ban theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, phát huy tính chủ động, sáng tạo của cán bộ, công nhân viên. Có chính sách đãi ngộ hợp lý với lao động có trình độ và kỹ thuật; mạnh dạn sử dụng cán bộ trẻ, lao động được đào tạo thích ứng với điều kiện sản xuất mới.

- Quy hoạch cán bộ, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, CBCNV-LĐ.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý khai thác, sử dụng nguồn nước, công trình thủy lợi hiệu quả.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCNV-LĐ về PCCC, ATLD và vệ sinh môi trường nơi làm việc.

- Bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ, dây chuyền sản xuất hợp lý.

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Nhóm giải pháp về tái cơ cấu nâng cao hiệu quả hoạt động

4.1.1. Nâng cao hiệu quả thực hiện dự án đầu tư

- Kiểm tra, rà soát các công trình quy hoạch, kế hoạch về mục tiêu dự án, tính khả thi của giải pháp kỹ thuật, tính kinh tế-kỹ thuật, hiệu lực hiệu quả của dự án mang lại.

- Kiểm tra giám sát từ khâu chuẩn bị đầu tư, đến thực hiện dự án và bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

4.1.2. Về khoa học công nghệ kỹ thuật sản xuất

- Từng bước áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý khai thác, quy trình vận hành trạm bơm hồ đập, đo mực nước, lưu lượng, nhu cầu dùng nước của cây trồng để đảm bảo phát huy hiệu quả trong sản xuất.

- Đưa các mô hình tiên tiến, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, để tăng năng suất lao động.

4.1.3. Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành sản xuất

- Đổi mới công tác quản lý, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác quản lý để giảm chi phí, tăng hiệu quả phục vụ.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch phòng chống úng, chống hạn sát thực tế để ứng phó với sự biến đổi của thiên tai.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện nghiêm pháp lệnh khai thác công trình thủy lợi.

- Tổ chức bộ máy chuyên nghiệp, tinh gọn, hiệu quả để đáp ứng khi Nhà nước thay đổi chính sách về thủy lợi, nhất là chuyển từ thủy lợi phí sang giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo Luật thủy lợi; nếu phải thu từ những đối tượng không được miễn theo quy định, thì công ty sắp xếp cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp, số lượng cán bộ hợp lý đảm bảo để thu của những đối tượng này.

- Khi Nhà nước có quy định hướng dẫn cụ thể chuyển đổi cơ chế từ đặt hàng sang đấu thầu. Công ty sẽ phải huy động các nguồn vốn tài chính; về tổ chức

thì sắp xếp dây chuyền sản xuất phù hợp với việc quản lý vận hành hệ thống sao cho hiệu quả; về kỹ thuật đảm bảo yêu cầu máy móc thiết bị, quản lý nguồn nước đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật; quản lý kinh tế đúng quy định của nhà nước.

4.1.4. Về đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực

- Quy hoạch, kế hoạch phát triển đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về chính trị, chuyên môn cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, CBCNV-LĐ. Trong 10 năm dự kiến đào tạo bồi dưỡng cho 50 cán bộ có trình độ lý luận trung cấp trở lên, 30 người có trình độ thạc sĩ.

- Công ty sắp xếp tổ chức bộ máy, dây chuyền sản xuất, tinh gọn, hiệu quả với phương thức sản xuất kinh doanh mới; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn có cán bộ công nhân viên người lao động.

- Thu hút những người có tài, có đức, tâm huyết với nghề để cống hiến cho đơn vị.

- Quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên người lao động có tay nghề cao, có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường cho người lao động để đảm bảo an toàn trong phục vụ sản xuất.

4.1.5. Quản trị về tài chính

- Quản lý thu chi đúng mục đích, đúng quy định Nhà nước.

- Đặc thù doanh nghiệp hoạt động dịch vụ công ích, đầu năm chưa có nguồn thu, kinh phí cấp ứng thuỷ lợi phí ít, không đủ cho chi phí hoạt động sản xuất. Công tác phục vụ sản xuất gặp rất nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến bất thường. Để có tiền chi phí trả tiền điện, xăng dầu vận hành máy bơm, tiền sửa chữa hư hỏng đột xuất, tiền lương, tiền công cho người lao động, ... Công ty lập kế hoạch vay vốn từ các ngân hàng thương mại, để đảm bảo duy trì cho hoạt động sản xuất.

- Phát triển các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác như thi công xây lắp công trình xây dựng, tư vấn giám sát thi công công trình, mua bán vật liệu, ... để công ty có thêm doanh thu.

4.2. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường:

- Mở rộng đa ngành nghề kinh doanh, không chỉ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp mà còn cấp nước thô cho sinh hoạt, khu công nghiệp; phát huy các ngành nghề trong giấy phép kinh doanh, để đảm bảo doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định đời sống CBCNV.

- Hai đơn vị làm ngoài năng động tìm kiếm nhiều việc ngoài để tăng thu nhập cho người lao động.

- Căn cứ kế hoạch sản xuất của đơn vị, đầu các vụ Công ty giao các Xí nghiệp thủy lợi ký hợp đồng với các địa phương có nhu cầu dùng nước, để có kế hoạch phục vụ tưới tiêu.

- Từ Công ty đến cơ sở thành lập ban chỉ đạo phòng chống hạn vụ chiêm, ban chống úng vụ mùa, để ứng phó diễn biến khó lường của thời tiết, chủ động

lắp đặt các trạm bơm già chiến, vụ mùa kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa các trạm bơm tiêu, phát huy nguồn lực, chi đạo đàm bảo phục tưới tiêu hiệu quả.

- Bám sát lịch gieo trồng của các địa phương để điều chỉnh lịch tưới tiêu cho phù hợp.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các phòng nông nghiệp, kinh tế của các huyện, thành, thị để có biện pháp chống hạn, chống úng; trước mỗi vụ hợp đồng vệ sinh nạo vét kênh mương nội đồng thông thoáng...

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cơ sở để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, các công trình được tu bổ, sửa chữa, các hư hỏng đột xuất được phát hiện sửa chữa kịp thời đảm bảo công trình vận hành tưới tiêu an toàn hiệu quả.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương vận động, tuyên truyền bà con nông dân lấy nước vào ruộng khi có lịch điều nước, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả, thực hiện nghiêm pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát

Giai đoạn 2016-2020 Công ty TNHH một thành viên thủy Liễn Sơn tiếp tục thực hiện phục vụ tưới tiêu cho trên 60 nghìn ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp và cấp nước cho nuôi trồng thủy sản của 7 huyện, thành, thị trong tỉnh. Để thực hiện hiệu lực, hiệu quả nhiệm vụ được giao, khắc phục mọi khó khăn thách thức, phát huy kết quả đạt được trong những năm qua, mở rộng sản xuất kinh doanh đảm bảo việc làm và đời sống ổn định.

Nâng cao năng lực quản lý, phát huy sức mạnh đoàn kết, phục vụ tưới tiêu ngày càng hiệu quả đáp ứng mọi yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, xây dựng Công ty phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đến năm 2020

- Tổng diện tích tưới, tiêu: 62.212,04 ha

- Tổng doanh thu: 108.588 triệu đồng

- Tổng chi phí: 107.988 triệu đồng

- Lợi nhuận: 600 triệu đồng

- Nộp ngân sách: 914 triệu đồng

- Thu nhập bình quân của người lao động: 6 triệu đồng/người/tháng

- Số lao động: 445 người

Mặt bằng diện tích rà soát năm 2016: 26.027 ha (lúa+màu: 23.781 ha, thủy sản cà năm 2.246 ha); diện tích phục vụ chưa xác định chính xác được vì vụ đông diện tích bắp bênh nông dân bỏ ruộng nhiều, năm gieo trồng nhiều, năm gieo trồng ít; kế hoạch sử dụng đất của Sở tài nguyên và môi trường về diện tích trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản cắt giảm theo giai đoạn, chưa cụ thể từng năm; các dự án quy hoạch cắt đất đơn vị chưa có số liệu về cắt loại đất nào, nên chưa biết chính xác diện tích cắt là bao nhiêu, số liệu lấy theo quy hoạch.

b) Tập trung phát triển một số lĩnh vực ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủy sản, cung cấp nước sạch cho dân sinh và các ngành kinh tế khác;

- Tiêu nước (thải, mưa) cho dân sinh, công nghiệp và các ngành kinh tế khác;
 - Xây dựng các công trình: Xây dựng, thuỷ lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thuỷ sản, đường điện hạ thế và nước sạch nông thôn;
 - Xây dựng, lắp đặt và sửa chữa các máy móc thiết bị cơ điện, điện dân dụng; Nạo vét bùn.
 - Tư vấn, khảo sát thiết kế, lập quy hoạch, lập báo cáo đầu tư, lập dự án, lập dự toán các công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ lợi, nước sạch nông thôn, giao thông, xây dựng;
 - Tư vấn giám sát thi công xây dựng các công trình thuộc ngành nông nghiệp & phát triển nông thôn, các công trình giao thông, xây dựng;
 - Tư vấn đấu thầu các công trình xây dựng;
 - Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
 - Mua bán vật tư, đồ điện và máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng;
 - Dịch vụ tổng hợp nuôi trồng thuỷ sản, nhà hàng, ăn uống, khách sạn, du lịch, vận tải;
- c) Quản lý, bảo vệ, sửa chữa các công trình thủy lợi:
- Quản lý, bảo vệ các công trình thủy lợi gồm: Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi, ngăn chặn kịp thời hiện tượng vi phạm công trình thủy lợi, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương vận động tuyên truyền người dân thực hiện nghiêm pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
 - Cân đối nguồn vốn để đầu tư sửa chữa công trình, đảm bảo trước tiêu hiệu quả. Dự kiến nguồn vốn sửa chữa thường xuyên hàng năm của Công ty từ 20-25% tổng doanh thu.

(Chi tiết có phụ lục số 2 kèm theo)

3. Danh mục đầu tư giai đoạn 2016-2020

Danh mục các dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn thực hiện hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 thống nhất thực hiện theo danh mục dự án đầu tư công được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt trong giai đoạn 2016-2020 và được quyết định đầu tư hàng năm.

Căn cứ vào nhu cầu phát triển thực tế, thứ tự ưu tiên các dự án cần thiết, cấp bách, nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp và nguồn lực của doanh nghiệp; Công ty thực hiện các dự án đầu tư phát triển phải tuân thủ nguyên tắc có hiệu quả và phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khóa XIII, Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội ban hành Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

(Chi tiết có danh mục các dự án đầu tư kèm theo)

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp về tài chính

- Quản lý thu chi đúng mục đích, đúng quy định Nhà nước.

- Đặc thù doanh nghiệp hoạt động dịch vụ công ích, đầu năm chưa có nguồn thu, kinh phí cấp ứng thay lợi phí ít, không đủ cho chi phí hoạt động sản xuất. Để có tiền chi phí trả tiền điện, xăng, dầu vận hành máy bơm, tiền sửa chữa hư hỏng đột xuất, tiền lương, tiền công cho người lao động, ... Công ty lập kế hoạch vay vốn từ các ngân hàng thương mại, để đảm bảo duy trì cho hoạt động sản xuất.

4.2. Giải pháp về sản xuất

a) Công tác tưới tiêu

- Xây dựng kế hoạch phương án chống hạn, chống úng để đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Lập lịch phân phối nước hợp lý với lịch gieo cấy.
- Bám sát lịch gieo trồng của các địa phương để điều chỉnh lịch tưới tiêu cho phù hợp.
- Quản lý công trình và nguồn nước tốt đáp ứng yêu cầu sản xuất, giảm chi phí tu bổ sửa chữa công trình và chi phí về điện xuống mức thấp nhất.
- Thường trực 24/24h để theo dõi diễn biến thời tiết, thiên tai; quan trắc mực nước để có biện pháp xử lý kịp thời.

b) Công tác phòng chống lụt bão

- Báo cáo hiện trạng công trình trước mỗi mùa mưa bão để có biện pháp xử lý.
- Chuyển bị máy móc, thiết bị, vật tư để chống lụt bão.
- Kiểm tra bão dường, sửa chữa các trạm bơm tiêu trước khi vào vụ, để tiêu úng kịp thời khi có mưa lớn xảy ra.

- Từ Công ty đến cơ sở thành lập ban chỉ đạo phòng chống úng vụ mùa, để ứng phó diễn biến khó lường của thời tiết, chủ động lắp đặt các trạm bơm đã chiến.

c) Về Marketing phát triển thị trường, phát triển một số ngành nghề lĩnh vực kinh doanh khác

- Căn cứ kế hoạch sản xuất của đơn vị, Công ty giao các Xí nghiệp thủy lợi ký hợp đồng với các địa phương có nhu cầu dùng nước, để có kế hoạch phục vụ tưới tiêu;
- Mở rộng đa ngành nghề kinh doanh đảm bảo ổn định đời sống CBCNV.
- Hai đơn vị làm ngoài năng động tìm kiếm nhiều việc ngoài để tăng thu nhập cho người lao động.

d) Đổi mới công nghệ, kỹ thuật sản xuất

- + Từng bước áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý khai thác, quy trình vận hành trạm bơm hồ đập, đo mực nước, lưu lượng, nhu cầu dùng nước của cây trồng để đảm bảo phát huy hiệu quả trong sản xuất.
- + Dựa các mô hình tiên tiến, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, để tăng năng suất lao động.

4.3. Giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy; thu hút, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch bố trí sắp xếp tổ chức dây chuyền sản xuất phù hợp với sản xuất kinh doanh; kế hoạch về trang bị bảo hộ lao động ATLĐ, công tác hành chính.

- Quy hoạch, kế hoạch phát triển đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về chính trị, chuyên môn cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, CBCNV-LĐ. Trong 05 năm

dự kiến đào tạo bồi dưỡng cho 20 cán bộ có trình độ lý luận trung cấp trở lên, 10 người có trình độ thạc sĩ.

- Thu hút những người có tài, có đức, tâm huyết với nghề để cống hiến cho đơn vị.

- Quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên người lao động có tay nghề cao, có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường cho người lao động để đảm bảo an toàn trong phục vụ sản xuất.

4.4. Giải pháp về phối hợp thực hiện hiệu quả công tác tưới tiêu

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các phòng nông nghiệp, kinh tế của các huyện, thành, thị để có biện pháp chống hạn, chống úng; trước mỗi vụ hợp đồng với trạm thủy lợi cơ sở các xã, phường, thị trấn làm công tác vệ sinh nạo vét kênh mương nội đồng thông thoáng..

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cơ sở để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, các công trình được tu bổ, sửa chữa, các hư hỏng đột xuất được phát hiện sửa chữa kịp thời đảm bảo công trình vận hành tưới tiêu an toàn hiệu quả.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương vận động, tuyên truyền bà con nông dân lấy nước vào ruộng khi có lịch điều nước, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả, thực hiện nghiêm pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Các đơn vị chuyên môn và các xí nghiệp thủy lợi trực thuộc công ty phối hợp xây dựng kế hoạch phục vụ diện tích tưới tiêu; kế hoạch sửa chữa công trình; kế hoạch sử dụng điện, dầu, vật tư thiết bị; kế hoạch điều hành tưới tiêu, quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi, an toàn hồ đập; công tác thường trực chống hạn, chống úng, đảm bảo tưới tiêu hợp lý, hiệu quả.

4.5. Giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư

a) Công tác xây dựng cơ bản

- Kiểm tra, rà soát các công trình quy hoạch, kế hoạch về mục tiêu dự án, tính khả thi của giải pháp kỹ thuật, tính kinh tế-kỹ thuật, hiệu lực hiệu quả của dự án mang lại.

- Kiểm tra giám sát từ khâu chuẩn bị đầu tư, đến thực hiện dự án và bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

b) Công tác quản lý, sửa chữa công trình

- Thường xuyên kiểm tra theo dõi công trình, phát hiện hư hỏng để xử lý kịp thời.

- Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi, ngăn chặn kịp thời hiện tượng vi phạm công trình thủy lợi, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương vận động tuyên truyền người dân thực hiện nghiêm pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn, bảo đảm công ty thực hiện đúng kế hoạch đã được phê duyệt. Đồng thời, kịp thời xử lý những phát sinh cần giải quyết trong

quá trình thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp 10 năm giai đoạn 2016-2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020; báo cáo, tham mưu UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Nội vụ, Lao động Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao tạo điều kiện hỗ trợ để Công ty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn triển khai tốt chiến lược phát triển doanh nghiệp 10 năm giai đoạn 2016-2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020.

3. Công ty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn:

- Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp 10 năm giai đoạn 2016-2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt theo đúng quy định. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện và những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh.

- Triển khai thực hiện việc công bố thông tin về Chiến lược phát triển doanh nghiệp 10 năm giai đoạn 2016-2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính Phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp;

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước chủ sở hữu và pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung Chiến lược phát triển doanh nghiệp 10 năm giai đoạn 2016-2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 đã được công ty xây dựng; Tự chịu trách nhiệm về tính hiệu quả đầu tư các dự án đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật; đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Nội vụ, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Liên Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CPCT, CPVP;
- CV: KT1, NN4.
- Lưu: VT.
(T- 18b) 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Chí Giang

LỤC CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI LIỀN SƠN
 theo Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 15 tháng 03 năm 2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc



PHƯỚC LỘC 1, BIỂU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH 10 NĂM, GIAI ĐOẠN 2016 – 2025

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm									
			2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Tổng doanh thu hàng năm	Tr.đ	111.692	108.588	108.588	108.588	108.588	108.588	108.588	108.588	108.588	108.588
1.1	Thu từ hoạt động thủy lợi	Tr.đ	100.649	100.445	100.012	99.748	97.966	97.262	96.558	95.854	95.150	94.446
1.2	Thu từ ngành nghề kinh doanh khác	Tr.đ	11.043	8.143	8.576	8.840	10.622	11.326	12.030	12.734	13.438	14.142
2	Chi phí	Tr.đ	110.184	108.068	108.038	108.008	107.988	107.968	107.938	107.908	107.888	107.868
3	Lợi nhuận hàng năm	Tr.đ	1.508	520	550	580	600	620	650	680	700	720
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đ	898	900	906	910	914	920	925	930	934	940
5	Lương bình quân/tháng	Tr.đ	5,6	5,7	5,8	5,9	6	6,1	6,2	6,3	6,4	6,5
6	Lao động	Người	415	430	435	440	445	450	455	460	465	470
7	Diện tích tưới tiêu phục vụ (lúa, màu, mạ, TS)	ha	63.851,77	63.670,80	63.416,19	63.260,44	62.212,04	61.798,04	61.384,04	60.970,04	60.556,04	60.142,04



**PHƯỜNG PHU NHỊ
HỘ KHỐI**
LƯỢC SỐ 2. BIỂU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH DOANH 05 NĂM, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

* Kế hoạch, chỉ tiêu sản lượng chính: (Sản xuất chính)

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm					Giai đoạn 2016-2020)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Diện tích tưới tiêu phục vụ (lúa, màu, mía, TS)	ha	63.851,77	63.670,80	63.416,19	63.260,44	62.212,04	316.411,24
2	Tổng doanh thu hàng năm	Trđ	111.692	108.588	108.588	108.588	108.588	546.044
2.1	Thu từ hoạt động thùy lợi	Trđ	100.649	100.445	100.012	99.748	97.966	498.820
2.2	Thu từ ngành nghề kinh doanh khác	Trđ	11.043	8.143	8.576	8.840	10.622	47.224
3	Chi phí	Trđ	110.184	108.068	108.038	108.008	107.988	542.286
4	Lợi nhuận hàng năm	Trđ	1.508	520	550	580	600	3.758
5	Nộp ngân sách nhà nước	Trđ	898	900	906	910	914	4.528
6	Lương bình quân/tháng	Trđ	5,6	5,7	5,8	5,9	6	5,80
7	Lao động/năm	Người	415	430	435	440	445	433

* Biểu kê hoạch các chỉ tiêu chủ yếu của kỳ kế hoạch

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Ước giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch	
			(2016-2020)	
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu	Ha		316.411,24
	Sản lượng 1: DT tưới tiêu	Ha		297.281,24

%

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Ước giá trị thực hiện của kỳ kế hoạch (2016-2020)
1	Sản lượng 2: DT nuôi trồng thủy sản	Ha	19.130,00
2	Chi tiêu sản phẩm dịch vụ công ích	ha	316.411,24
3	Doanh thu	Tr.đồng	546.044
4	Sản xuất chính	Tr.đồng	498.820
5	Sản xuất kinh doanh khác	Tr.đồng	47.224
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	3.758
7	Nộp ngân sách	Tr.đồng	4.528
8	Tổng mức đầu tư XDCB	Tr.đồng	134.332
9	Kim ngạch xuất khẩu	1000USD	
10	Các chi tiêu khác (chi phí)	Tr.đồng	542.286
	Lương bình quân	đồng/tháng	5,8
	Lao động	Người/năm	433

26

SƠ ĐỒ số 3. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN



Danh mục công trình		Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
Danh mục công trình dự án công trình						
Giai đoạn 2016-2020						
A	Danh mục công trình đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020					
I	Năm 2016					
<i>1.1</i>	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Tè Lỗ, huyện Yên Lạc	huyện Yên Lạc	Kiên cố hóa 1305m	KC 15/4/2016 HT: 11/10/2016	1.891	Công ty Liên Sơn
<i>1.2</i>	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Lý Nhân, huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	Kiên cố hóa 683m	KC 5/4/2016 HT:2/8/2016	985	Công ty Liên Sơn
<i>1.3</i>	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Bán Gián, huyện Lập Thạch	huyện Lập Thạch	Kiên cố hóa 1021m	KC 12/4/2016 HT 8/9/2016	1.474	Công ty Liên Sơn
<i>1.4</i>	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc	huyện Yên Lạc	Kiên cố hóa 3143m	KC 27/4/2016 HT:23/10/2016	4.592	Công ty Liên Sơn
<i>1.5</i>	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc	huyện Yên Lạc	Kiên cố hóa 1940m	KC 20/4/2016 HT 6/10/2016	2.603	Công ty Liên Sơn
<i>1.6</i>	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Bình Định, huyện Yên Lạc	huyện Yên Lạc	Kiên cố hóa 1930m	KC 15/4/2016 HT: 11/10/2016	3.457	Công ty Liên Sơn
<i>1.7</i>	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên	huyện Bình Xuyên	Kiên cố hóa 3360m	KC 20/4/2016 HT 16/10/2016	3.443	Công ty Liên Sơn
<i>1.8</i>	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Đồng Cương	Yên Lạc	2582m	2016	2.796	Công ty Liên Sơn
<i>1.9</i>	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn	Vĩnh Tường	1237m	2016	1.525	Công ty

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
mới xã Việt Xuân						Liễn Sơn
I.10	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Hoàng Dan	Tam Dương	2909m	2016	3.372	Công ty Liên Sơn
I.11	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Đồng Ích	Lập Thạch	4821m	2016	5.996	Công ty Liên Sơn
I.12	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Quất Lưu	Bình Xuyên	1997m	2016	2.221	Công ty Liên Sơn
I.13	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Liên Hòa	Lập Thạch	3733m	2016	5.213	Công ty Liên Sơn
I.14	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Đại Đồng	Vĩnh Tường	2139m	2017	3.390	Công ty Liên Sơn
I.15	Dịch chuyển trạm bơm Xóm Cum và kiên cố hóa một số tuyến kênh xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường	Xã hội Vĩnh Tường	Xây TB và 7 tuyến kênh dài 2407m	2016	5.656	Công ty Liên Sơn
2	Năm 2017				32.414	
2.1	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Liễn Sơn	Lập Thạch	1188m	2017	1.712	Công ty Liên Sơn
2.2	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã An Hòa	Tam Dương	5828m	2017	8.607	Công ty Liên Sơn
2.3	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Chấn Hưng	Vĩnh Tường	6706m	2017	10.200	Công ty Liên Sơn
2.4	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Văn Xuân	Vĩnh Tường	910m	2017	1.654	Công ty Liên Sơn
2.5	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Tân Tiến	Vĩnh Tường	1007m	2017	1.525	Công ty Liên Sơn
2.6	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	557	2018	690	Công ty Liên Sơn
2.7	Cải tạo, nâng cấp TB Phú Bình 1- Sơn Đông	Lập Thạch	1610m	2017	1.990	Công ty

DANH MỤC CÔNG TRÌNH					
	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
2.8	Cải tạo, nâng cấp TB Phú Bình 2 -Sơn Đông	Lập Thạch	1451m	2017	2.036
2.9	Cải tạo, nâng cấp TB Gò Mát- Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Cải tạo kênh 1850m	2017	24.931
3	Năm 2018				
3.1	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Yên Đông Tịnh	Lập Thạch	3.100	2018	4.950
3.2	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Yên Lập	Vĩnh Tường	1.494	2018	2.220
3.3	Cải tạo, nâng cấp TB Quán Bạc	Yên Lạc	3162	2018-2020	2.461
3.4	Cải tạo, nâng cấp TB Sâu Ra - Thanh Lãng	Bình Xuyễn	1754	2018-2020	3.500
3.5	Cải tạo, nâng cấp TB Vuơn Sóng	Bình Xuyễn	1093	2018-2020	2.300
3.6	Xây mới TB Đồng Chợ Vàng xã Hoàng Đan	Tam Dương	341	2018-2020	3.000
3.7	Cải tạo, nâng cấp TB Cầu Sát - Hương Canh	Bình Xuyễn	468	2018-2020	2.000
3.8	Cải tạo, nâng cấp TB Đinh Tre - Thái Hòa	Lập Thạch	1873	2018-2020	1.500
3.9	Kiên cố hóa kênh chính TB Xuân Đài và sửa chữa TB	Yên Lạc	1016m	2018-2020	3.000
4	Năm 2019-2020				
4.1	Cải tạo, nâng cấp TB Liên Hiệp - Thành Lãng	Bình Xuyễn	1116	2019-2020	2.800
4.2	Cải tạo, nâng cấp TB Thôn Thượng - Ngũ Kiên	Vĩnh Tường	1654m	2019-2020	4.000

Số TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
4.3	Cải tạo, nâng cấp Hồ Bờ Nòng - Liễn Sơn	Lập Thạch	1134	2019-2020	3.200	Công ty Liễn Sơn
4.4	Cải tạo, nâng cấp Hồ Độc Vừng - Đạo Tú	Tam Dương	447	2019-2020	1.008	Công ty Liễn Sơn
4.5	Cải tạo, nâng cấp TB Sào Bón - Phú Da	Vĩnh Tường	620	2019-2020	1.000	Công ty Liễn Sơn
B	Danh mục công trình đầu tư bằng nguồn vốn khau hao giai đoạn 2016-2020 (vẫn bản số 6376/UBND-NN4 ngày 14/9/2016 v/v danh mục các công trình đầu tư từ nguồn khau hao của Công ty TNHH MTV thủy lợi Liễn Sơn)				16.364	
I	Cải tạo, sửa chữa, xây mới nhà làm việc xí nghiệp, cụm trạm				9.500	
1	Cải tạo sửa chữa nhà quản lý, nhà bếp, nhà kho, sân vườn, tường rào, cổng trạm bơm Quán Bạc	Yên Lạc		2016-2018	1.500	Công ty Liễn Sơn
2	Cải tạo, sửa chữa nhà quản lý, nhà kho, bếp, sân vườn, tường rào, cổng trạm bơm Vườn Sóng	Bình Xuyên		2016-2018	1.400	Công ty Liễn Sơn
3	Xây mới nhà làm việc Xí nghiệp thủy lợi Yên Lạc	Yên Lạc		2019-2020	6.200	Công ty Liễn Sơn
4	Tôn cao, sửa chữa sân vườn, tường rào, cổng văn phòng Xí nghiệp thủy lợi Tam Dương	Tam Dương		2019-2020	400	Công ty Liễn Sơn
II	Các công trình kenh mương				3.549	
1	Kiên cố hóa kênh Đồng Gò Xoan lấy nước tại kênh chính trạm bơm Đồng Võ Thanh Vân	Tam Dương			520	Công ty Liễn Sơn
2	Sửa chữa bể hút trạm bơm Bạch Hạc	Vĩnh Tường			700	Công ty Liễn Sơn



Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư (Trđồng)	Chủ đầu tư
2.8 Cải tạo, nâng cấp TB Phú Bình 2 -Sơn Đông	Lập Thạch	1451m	2017	2.036	Công ty Liên Sơn
2.9 Cải tạo, nâng cấp TB Gò Mát- Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Cải tạo kênh 1850m	2017	4.000	Công ty Liên Sơn
3 Năm 2018				24.931	
3.1 Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Đồng Tịnh	Lập Thạch	3.100	2018	4.950	Công ty Liên Sơn
3.2 Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Yên Lập	Vĩnh Tường	1.494	2018	2.220	Công ty Liên Sơn
3.3 Cải tạo, nâng cấp TB Quán Bạc	Yên Lạc	3162	2018-2020	2.461	Công ty Liên Sơn
3.4 Cải tạo, nâng cấp TB Sâu Ra - Thanh Lãng	Bình Xuyên	1754	2018-2020	3.500	Công ty Liên Sơn
3.5 Cải tạo, nâng cấp TB Vườn Sóng	Bình Xuyên	1093	2018-2020	2.300	Công ty Liên Sơn
3.6 Xây mới TB Đồng Chợ Vàng xã Hoàng Đan	Tam Dương	341	2018-2020	3.000	Công ty Liên Sơn
3.7 Cải tạo, nâng cấp TB Cầu Sắt - Hương Canh	Bình Xuyên	468	2018-2020	2.000	Công ty Liên Sơn
3.8 Cải tạo, nâng cấp TB Định Tre - Thái Hòa	Lập Thạch	1873	2018-2020	1.500	Công ty Liên Sơn
3.9 Kiên cố hóa kênh chính TB Xuân Đài và sửa chữa TB	Yên Lạc	1016m	2018-2020	3.000	Công ty Liên Sơn
4 Năm 2019-2020				12.008	
4.1 Cải tạo, nâng cấp TB Liên Hiệp - Thanh Lãng	Bình Xuyên	1116	2019-2020	2.800	Công ty Liên Sơn
4.2 Cải tạo, nâng cấp TB Thôn Thuượng - Ngũ Kiên	Vĩnh Tường	1654m	2019-2020	4.000	Công ty

Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô (m)	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư (Tr.đồng)	Chủ đầu tư
Nâng cấp, cung hóa kênh xả trạm bơm tiêu Cao Ba	Vĩnh Tường		2019	819	Công ty Liên Sơn
Kiên cố hóa kênh trạm bơm Ba Cây đi Sê Vân xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch	Lập Thạch		2020	700	Công ty Liên Sơn
Kiên cố hóa kênh Gò Thủ phuường Đông Đa, TP Vĩnh Yên	Vĩnh Yên		2020	810	Công ty Liên Sơn
Sửa chữa máy móc, mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh (danh mục cụ thể đề xuất theo kế hoạch đặt hàng hàng năm)			2016-2020	3.315	Công ty Liên Sơn